

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Quang Toàn

2. Ông Nguyễn Thành Đông

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 205/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp K, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Đào Văn C, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp K, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25-9-2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 13 tháng 11 năm 2023, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H trình bày:

Vào năm 2001, chị H và anh C tự nguyện sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Sau khi về sống chung, chị H và anh C rất hạnh phúc nhưng đến nay giữa chị H và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị H và anh C đã không còn sống chung. Trong thời gian sống chung, chị H và anh C có hai con chung tên Đào Đình K, sinh ngày 21-01-2001 và Đào Đình K1, sinh ngày

30-4-2006; hiện tại cháu K đã đủ 18 (Mười tám) tuổi và có khả năng lao động bình thường, còn cháu K1 đang sống cùng chị H. Về tài sản chung, chị H và anh C có phần đất diện tích 101,3m², thuộc thửa đất 17, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp K, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; trên đất có một căn nhà cấp 4 diện tích ngang 4,2m; dài khoảng 16m; Tổng giá trị tài sản khoảng 454.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi bốn triệu đồng). Về nợ chung không có.

Chị Nguyễn Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị H và anh C là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đào Đình K1, sinh ngày 30-4-2006 đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Nguyễn Ngọc H yêu cầu anh Đào Văn C phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Riêng con chung tên Đào Đình K, sinh ngày 21-01-2201 đã đủ 18 (mười tám) tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Yêu cầu chia tài sản chung phần đất diện tích 101,3m², thuộc thửa đất 17, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp K, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và căn nhà cấp 4 diện tích ngang 4,2m; dài khoảng 16m; Tổng giá trị tài sản chị H được nhận là 227.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu đồng).

- Về và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại đơn yêu cầu ngày 10-01-2024, chị Nguyễn Ngọc H trình bày:* Đối với tài sản chung gồm phần đất diện tích 101,3m², thuộc thửa đất 17, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp K, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và căn nhà cấp 4 diện tích ngang 4,2m; dài khoảng 16m trên đất chị H sẽ tự thỏa thuận với anh C nên xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Đào Văn C:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, không đến Tòa án làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đồng thời có ý kiến trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân và con chung. Riêng về yêu cầu cấp dưỡng và yêu cầu chia tài sản chung chị H tự nguyện rút lại toàn bộ không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Bị đơn anh C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên các đương sự không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên xử không công nhận chị H và anh C là vợ chồng. Về con chung, giao cháu Đào Đình K1, sinh ngày 30-4-2006 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; đối với cháu Đào Đình K, sinh ngày 21-01-2001 đã đủ 18 (Mười tám) tuổi, có khả năng lao động bình thường và đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn chị H phải chịu án phí ly hôn và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị H khởi kiện anh C để yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, được quyền trực tiếp nuôi con chung và chia tài sản chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân, theo chị H trình bày: Vào năm 2001, chị H và anh C tự nguyện sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Sau khi về sống chung, chị H và anh C rất hạnh phúc nhưng đến nay giữa chị H và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị H và anh C đã không còn sống chung. Đối chiếu Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân số ngày 25-9-2023 có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng xác nhận chị H không có đăng ký kết hôn. Từ đó, có cơ sở xác định chị H và anh C sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn là sự thật. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*, đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*. Như vậy, chị H và anh C sống chung với nhau như vợ chồng, mặc dù đủ điều kiện kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Từ đó, chị H yêu cầu không công nhận chị H và anh C là vợ chồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung, theo chị H trình bày: Trong thời gian sống chung, chị H và anh C có hai con chung tên Đào Đình K, sinh ngày 21-01-2001 và Đào Đình K1, sinh ngày 30-4-2006, hiện tại cháu K đã đủ 18 (Mười tám) tuổi và có khả năng lao động bình thường, còn cháu K1 đang sống cùng chị H và do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi chị H và anh C không còn sống chung nên chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1 cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi. Theo Điều 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con*”. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh C không có thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con. Mặc khác, từ khi thụ lý vụ án anh C không có văn bản nêu ý kiến về việc yêu cầu nuôi con của chị H, hiện cháu K1 đang sống cùng với chị H và có nguyện vọng sống cùng với chị H. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H là quyết định giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đào Đình K1, sinh ngày 30-4-2006 cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đối với con chung tên Đào Đình K, sinh ngày 21-01-2001 đã đủ 18 (Mười tám) tuổi và có khả năng lao động bình thường, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng, theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Xét thấy, kể từ khi chị H và anh C không còn sống chung với nhau, cháu K1 sống cùng với chị H vẫn được chăm sóc, nuôi dưỡng bảo đảm các quyền lợi về mọi mặt. Mặt khác, tại đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 06-02-2024, chị H đã rút lại yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Từ đó, có căn cứ cho rằng chị H có đầy đủ các điều kiện kinh tế chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đảm bảo các quyền lợi về mọi mặt nên Hội đồng xét xử quyết định anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, theo theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 13 tháng 11 năm 2023, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn đối với phần đất diện tích 101,3m², thuộc thửa đất 17, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp K, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và căn nhà cấp 4 diện tích ngang 4,2m; dài khoảng 16m; tổng giá trị tài sản chị H được nhận là 227.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu đồng). Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, tại đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 06-02-2024, chị H đã tự nguyện rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản khi ly hôn và không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị H trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và trong quá trình giải quyết vụ án anh C không có đơn yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm, chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn đã được đình chỉ nên chị H được hoàn trả lại tiền tạm ứng phí đối với phần yêu cầu này theo quy định pháp luật.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc H về chia tài sản khi ly hôn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Ngọc H và anh Đào Văn C là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Đào Đình K1, sinh ngày 30-4-2006 cho chị Nguyễn Ngọc H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi. Anh Đào Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh Đào Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Đối với con chung Đào Đình K, sinh ngày 21-01-2001 đã đủ 18 (Mười tám) tuổi và có thể tự lao động bình thường, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.675.000 đồng (Năm triệu, sáu trăm bảy mươi năm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000450 ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

Chị Nguyễn Ngọc H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 5.375.000 đồng (Năm triệu, ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Luân
(Đã ký)**